Số: 1567/QĐ-UBND; 06/11/2026; 07:21:57;

CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ HẠNG MỤC TUYẾN ĐƯỜNG DÂY 22KV THUỘC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐĂK PONE (ĐỢT 2)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ MĂNG ĐEN, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen)

TT	Họ tên hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ thường trú	Loại đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	D.tích/ Kh.lượng	Đơn giá	Số lần BT,HT	Chi phí bồi thường, hỗ trợ				Tổng cộng
											Bồi thường đất	Bồi thường cây trồng	Hỗ trợ khác		
													Cây trồng vượt mật độ	Cây lâu năm trồng trên đất cây hàng năm	
1	**A Ông: CCCD số 062079001062; số điện thoại: 0359547249**	**Thôn Kon Vơng Kia, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi**									**5.966.400**	**3.672.000**	**8.867.100**	**-**	**18.505.500**
			CLN	16	1	Giá đất trồng cây lâu năm tại xã Măng Đen (vị trí 3 là các thửa đất còn lại không tiếp giáp với đường giao thông) theo Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025)	m2	248,6	48.000	0,5	5.966.400				
						Vị trí thửa đất số 16 tờ bản đồ số 01 thuộc thôn Kon Plông, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi (vị trí 3 không tiếp giáp với đường giao thông)									
				16	1	Cây Cà phê Catimor Kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 5	cây	27	136.000	1,0		3.672.000			
	Vượt mật độ cây trồng					Cây Cà phê Catimor Kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 5	cây	194	136.000	0,3			7.915.200		Theo quy định tại điểm a, khoản 14 Điều 7 Quyết định 144/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi
	Vượt mật độ cây trồng					Giỗi Kinh doanh từ năm thứ 1 đến năm thứ 6	cây	5	150.000	0,3			225.000		
	Vượt mật độ cây trồng					Cây xoài kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 5	cây	2	780.000	0,3			468.000		
	Vượt mật độ cây trồng					Cây Huỳnh đàn đỏ (gỗ Sưa) Kinh doanh từ năm thứ 1 đến năm thứ 4	cây	1	380.000	0,3			114.000		
	Vượt mật độ cây trồng					Cây Mít tố nữ, mít thái, mít ghép Kinh doanh năm 1 đến năm thứ 3	cây	1	483.000	0,3			144.900		
2	**A Năng: CCCD số 062069000236; số điện thoại: không có**	**Thôn Kon Vơng Kia, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi**									**8.071.200**	**3.944.000**	**4.279.200**	**616.500**	**16.910.900**
			NHK	22	1	Giá đất trồng cây hằng năm (đất trồng cây hằng năm khác) tại xã Măng Đen (vị trí 3 là các thửa đất còn lại không tiếp giáp với đường giao thông) theo Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025)	m2	77,0	48.000	0,5	1.848.000				
			CLN	21	1	Giá đất trồng cây lâu năm tại xã Măng Đen (vị trí 3 là các thửa đất còn lại không tiếp giáp với đường giao thông) theo Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025)	m2	259,3	48.000	0,5	6.223.200				
						Vị trí thửa đất số 22, 21 tờ bản đồ số 01 thuộc thôn Kon Plông, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi (vị trí 3 không tiếp giáp với đường giao thông)									

				21	1	Cây Cà phê Catimor Kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 5	cây	29	136.000	1,0		3.944.000			
	Vượt mật độ cây trồng					Cây Cà phê Catimor Kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 5	cây	86	136.000	0,3			3.508.800		
	Cây lâu năm trồng trên đất hằng năm			22	1	Cây xoài kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 5	cây	2	780.000	0,3				468.000	
	Cây lâu năm trồng trên đất hằng năm					Giổi Kinh doanh từ năm thứ 1 đến năm thứ 6	cây	3	150.000	0,3				135.000	
	Cây lâu năm trồng trên đất hằng năm					Cây Thơm (dứa) khác bằng hoặc trên 6 tháng	cây	10	4.500	0,3				13.500	
	Vượt mật độ cây trồng					Cây anh đào KTCB năm 2-3 hoặc 4cm ≤ ĐK thân < 6cm	cây	4	30.000	0,3			36.000		
	Vượt mật độ cây trồng					Cây Cà phê Catimor Kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 5	cây	18	136.000	0,3			734.400		
3	**Lê Thanh Sơn: Số CCCD 036082020598; Số điện thoại không có**	**Thôn Đắk Ke, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi**									**1.272.000**	**-**	**-**	**-**	**1.272.000**
			NHK	20	1	Giá đất trồng cây hằng năm (đất trồng cây hằng năm khác) tại xã Măng Đen (vị trí 3 là các thửa đất còn lại không tiếp giáp với đường giao thông) theo Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025)	m2	53,00	48.000	0,5	1.272.000				
						Vị trí thửa đất số 20 tờ bản đồ số 01 thuộc thôn Kon Plông, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi (vị trí 3 không tiếp giáp với đường giao thông)									
				20	1	Không có tài sản									
4	**A Tên: Số CCCD 062094000846; Số điện thoại không có**	**Thôn Kon Vơng Kia, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi**									**5.563.200**	**3.536.000**	**1.339.800**	**-**	**10.439.000**
			CLN	15	1	Giá đất trồng cây lâu năm tại xã Măng Đen (vị trí 3 là các thửa đất còn lại không tiếp giáp với đường giao thông) theo Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025)	m2	231,80	48.000	0,5	5.563.200				
						Vị trí thửa đất số 15 tờ bản đồ số 01 thuộc thôn Kon Plông, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi (vị trí 3 không tiếp giáp với đường giao thông)									
				15	1	Cây Cà phê Catimor Kinh doanh năm thứ 1 đến năm thứ 5	cây	26	136.000	1,0		3.536.000			
	Vượt mật độ cây trồng					Cây Cà phê Catimor Kinh doanh từ năm thứ 5 đến năm thứ 10	cây	19	174.000	0,3			991.800		
	Vượt mật độ cây trồng					Chuối mọc thành bụi nhiều cây: Bụi từ 3 - 5 cây	bụi	2	280.000	0,3			168.000		
	Vượt mật độ cây trồng					Giổi Kinh doanh từ năm thứ 1 đến năm thứ 6	cây	4	150.000	0,3			180.000		
5	**A Đruông: Số CCCD 062087000732; Số điện thoại không có**	**Thôn Kon Vơng Kia, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi**									**19.200**	**-**	**-**	**-**	**19.200**

			CLN	19	1	Giá đất trồng cây lâu năm tại xã Măng Đen (vị trí 3 là các thửa đất còn lại không tiếp giáp với đường giao thông) theo Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025)	m2	0,80	48.000	0,5	19.200				
						Vị trí thửa đất số 19 tờ bản đồ số 01 thuộc thôn Kon Plông, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi (vị trí 3 không tiếp giáp với đường giao thông)									
				19	1	Không có tài sản									
6	**A Brơ: Số CCCD 062073000226; Số điện thoại không có**	**Thôn Kon Vơng Kia, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi**									**8.457.600**	**-**	**-**	**-**	**8.457.600**
			CLN	9	1	Giá đất trồng cây lâu năm tại xã Măng Đen (vị trí 3 là các thửa đất còn lại không tiếp giáp với đường giao thông) theo Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025)	m2	352,4	48.000	0,5	8.457.600				
						Vị trí thửa đất số 09 tờ bản đồ số 01 thuộc thôn Kon Plông, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi (vị trí 3 không tiếp giáp với đường giao thông)									
				9	1	Không có tài sản									
	TỔNG CỘNG										**29.349.600**	**11.152.000**	**14.486.100**	**616.500**	**55.604.200**